CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Thép Vicasa - VNSTEEL

Ngày 31/03/2025	11,450 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**-6.1%**	**31.3%**

DT thuần
Q1/25
311
tỷ VNĐ
QoQ: ▼34.0| -10.0%
YoY: ▲ 29.0| 10.1%

LN thuần
Q1/25
0.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.88| -98.5%
YoY: ▼1.39| -96.9%

LN sau thuế
Q1/25
0.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.51| -98.6%
YoY: ▼1.11| -96.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
0.2%
YoY: +/-▼ 0.7%

ROE (TTM)
Q1/25
0.0%
YoY: +/-▼ 0.6%

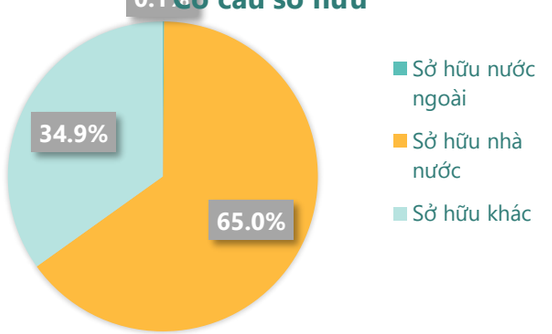
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,190 - 17,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	174
Số lượng CPLH (CP)	15,187,322
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,100
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	
EPS	-5
P/E	-2190.5

DT thuần
2024
1,358
tỷ VNĐ
YoY: ▼367| -21.3%

LN thuần
2024
1.05
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.80| -88.2%

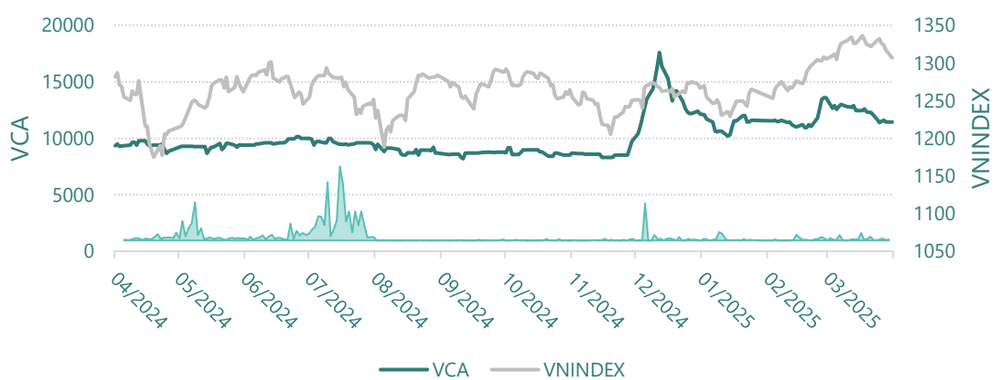
LN sau thuế
2024
1.04
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.25| -85.8%

Cơ cấu sở hữu

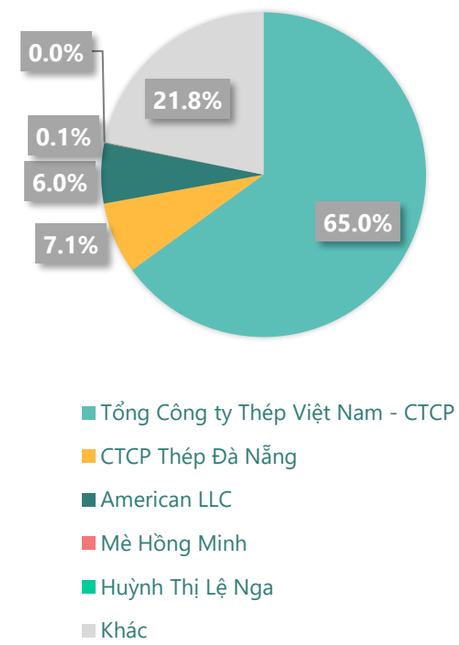


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



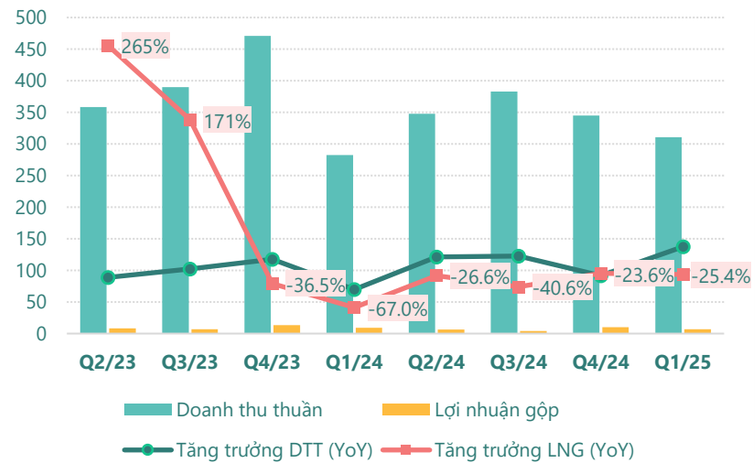
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

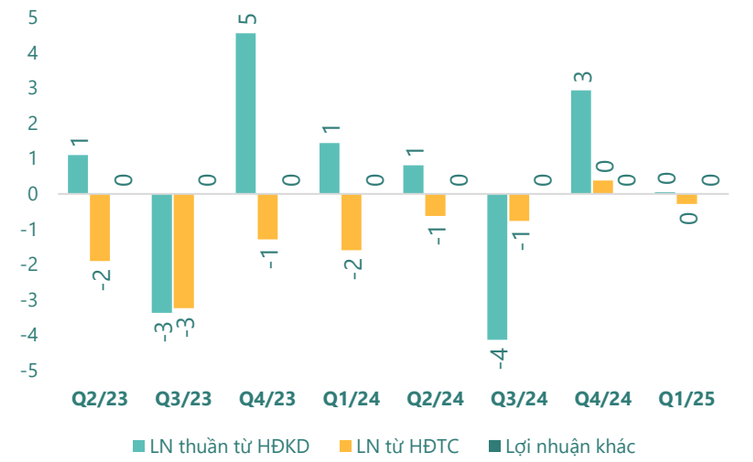
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



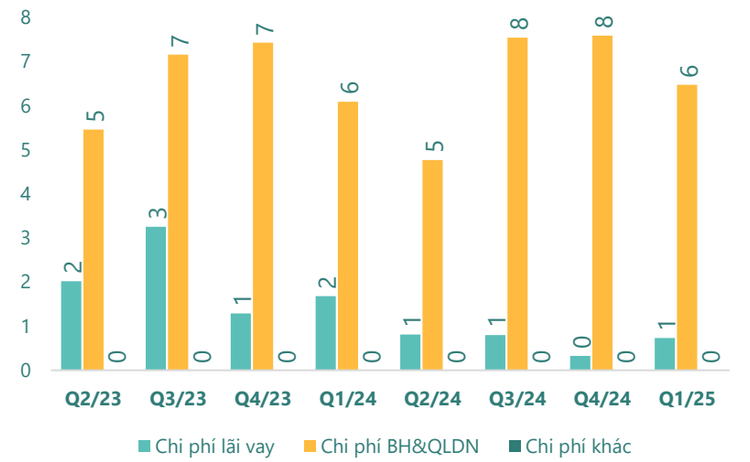
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



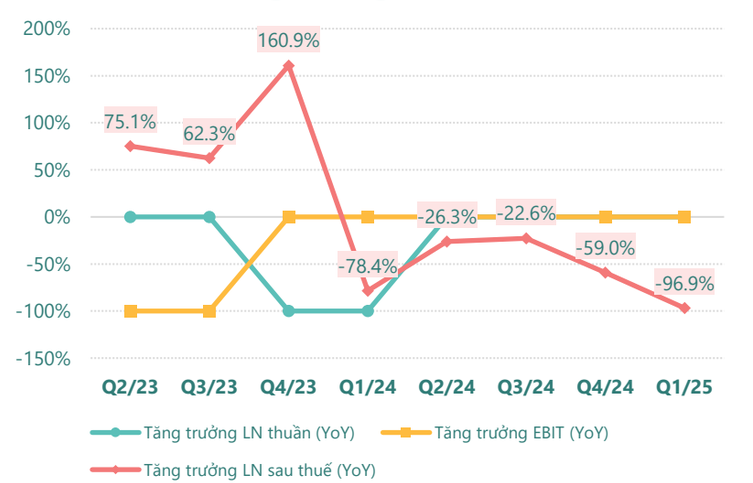
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



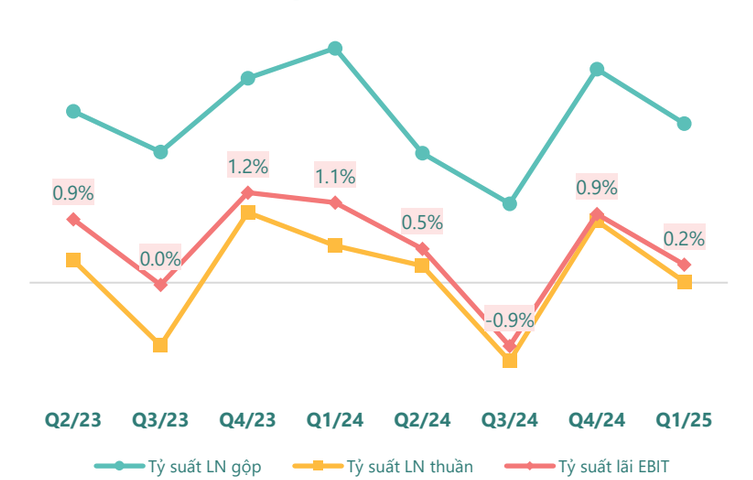
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



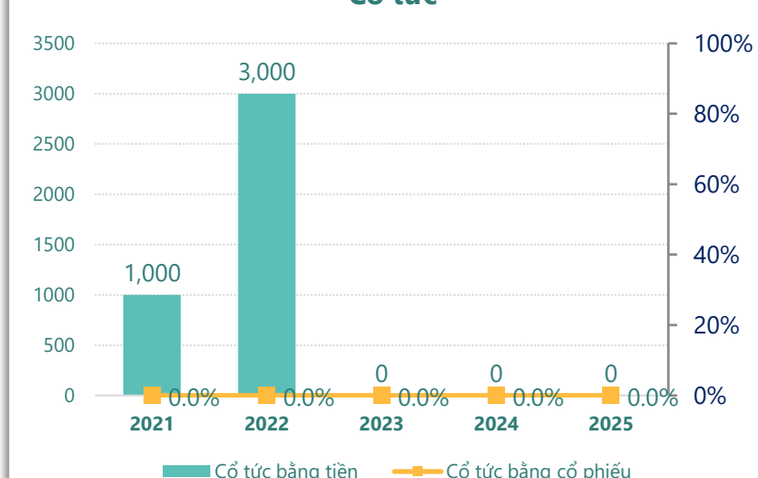
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

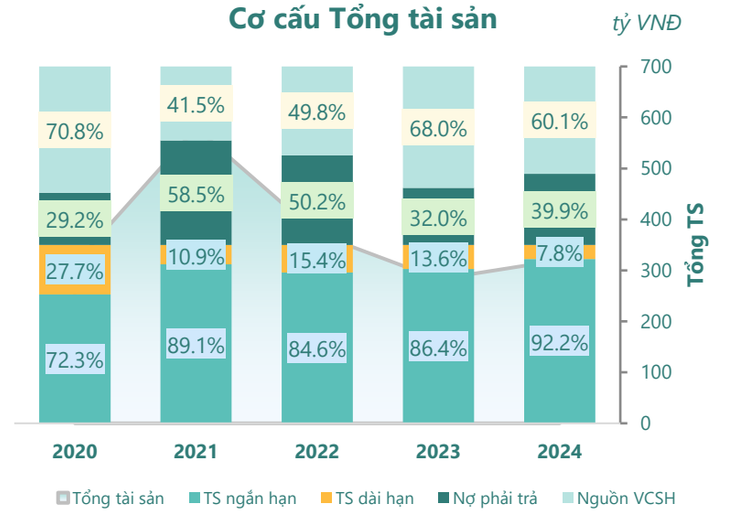
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

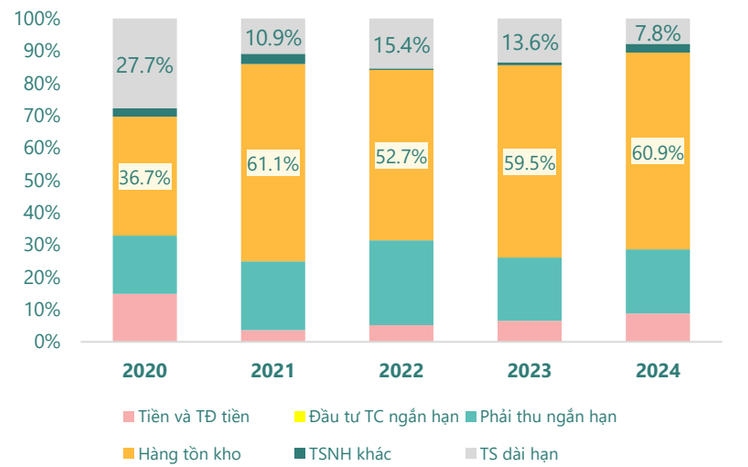
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



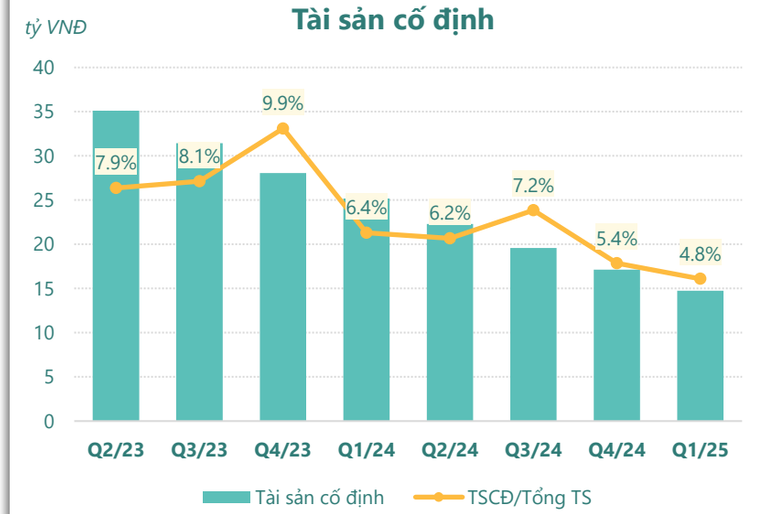
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



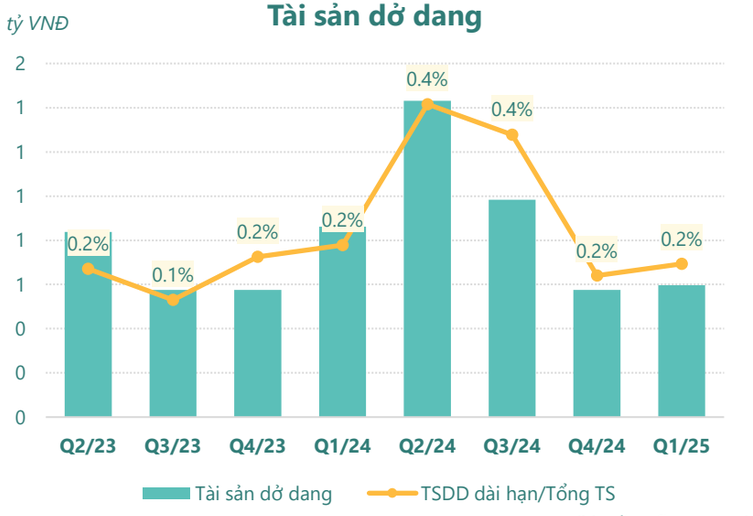
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



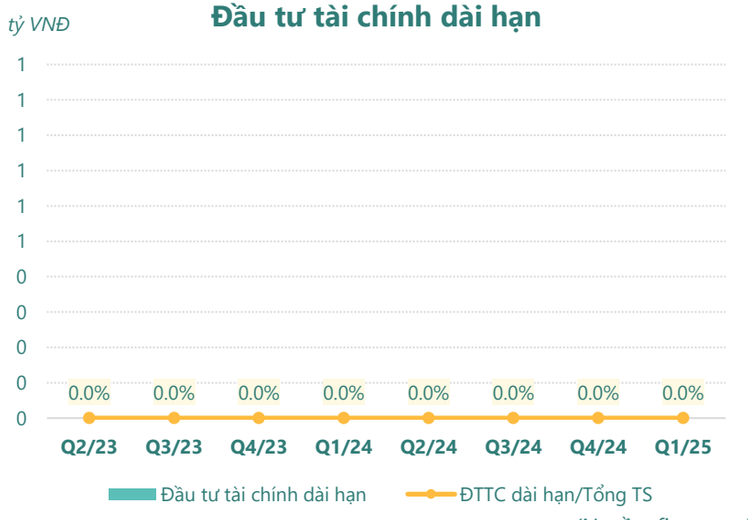
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



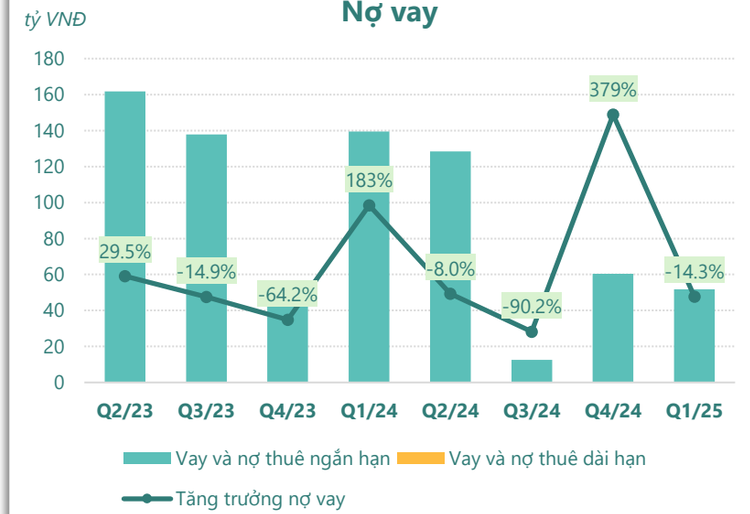
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

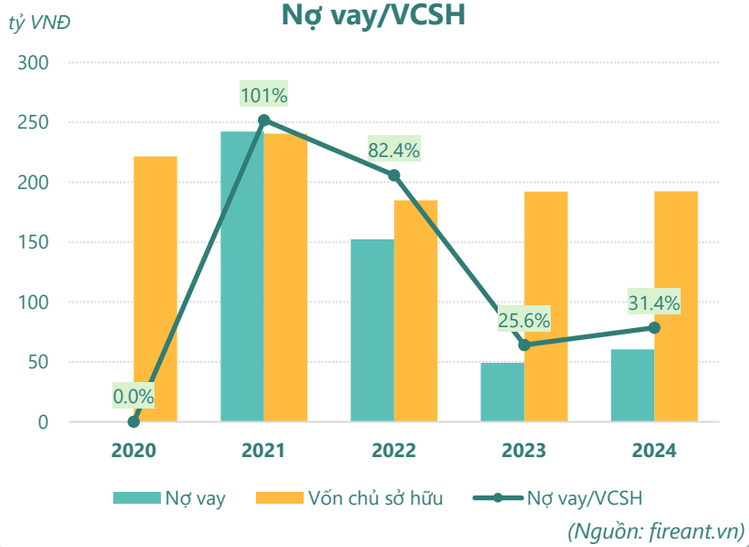
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

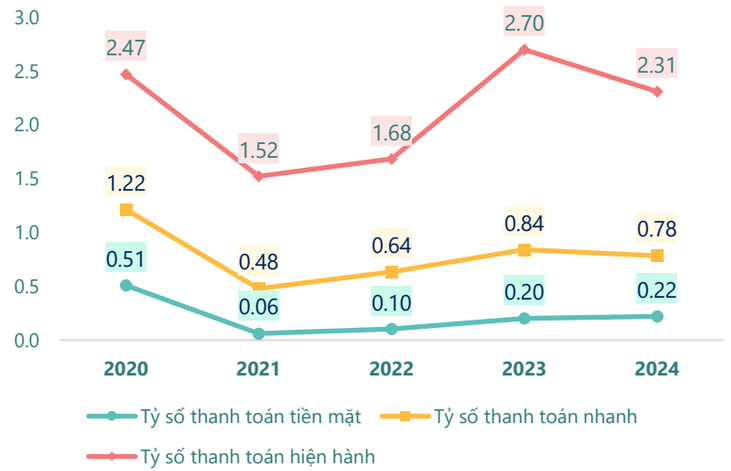
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



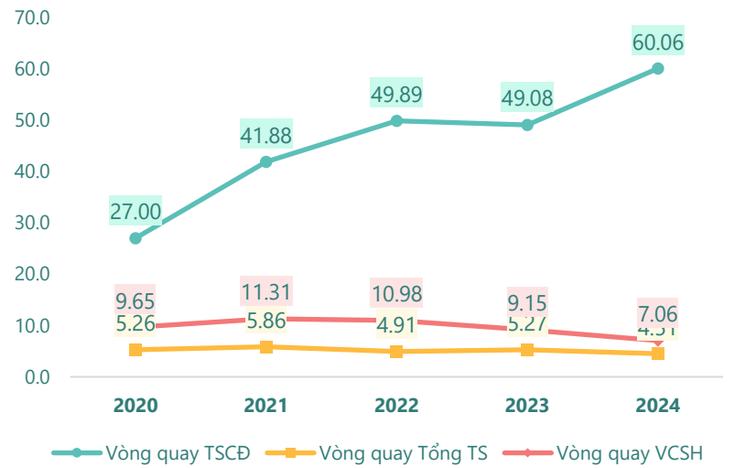
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



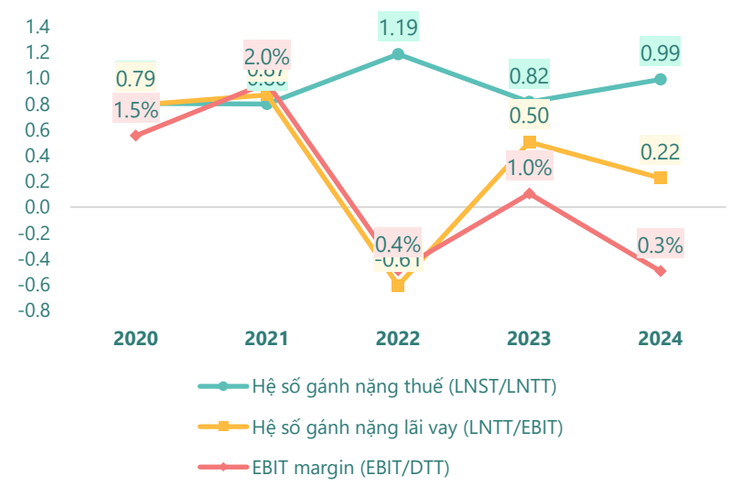
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



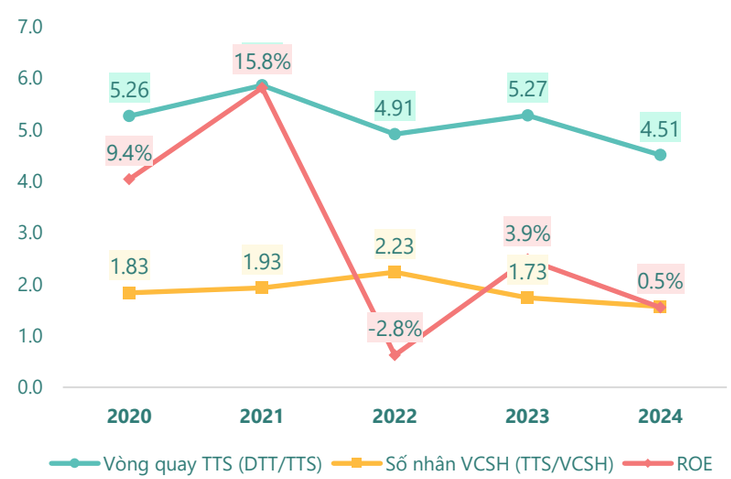
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



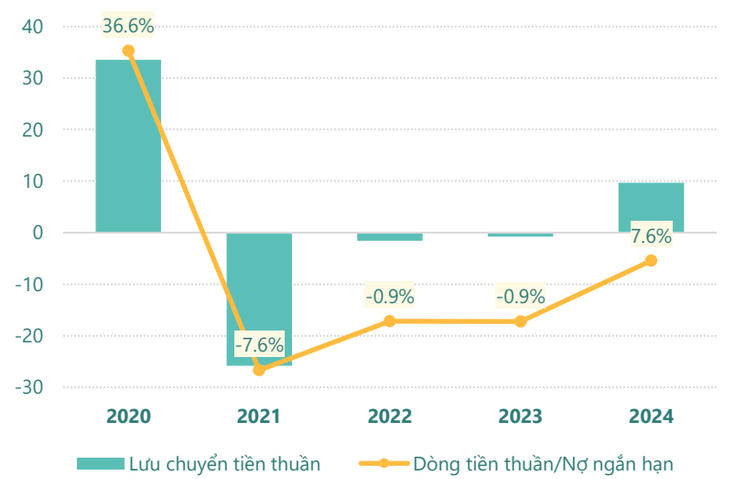
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**311**	**282**	**10.1%**	**1,358**	**1,725**	**-21.3%**
Giá vốn hàng bán	304	273	11.3%	1,328	1,669	-20.4%
Lợi nhuận gộp	6.81	9.12	-25.3%	29.6	56.4	-47.5%
Doanh thu HĐTC	0.71	0.09	689%	1.07	0.23	356%
Chi phí TC	1.00	1.68	-40.6%	3.67	8.90	-58.7%
Chi phí lãi vay	0.73	1.68	-56.6%	3.62	8.81	-58.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.69	2.81	-4.2%	12.7	14.4	-11.6%
Chi phí QLDN	**3.79**	**3.27**	**15.8%**	**13.2**	**24.5**	**-45.9%**
LN thuần từ HĐKD	0.05	1.44	-96.9%	1.05	8.85	-88.2%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0.09**	**-100%**
LN trước thuế	0.05	1.44	-96.9%	1.05	8.94	-88.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0.04**	**1.15**	**-96.9%**	**1.04**	**7.29**	**-85.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.04**	**1.15**	**-96.9%**	**1.04**	**7.29**	**-85.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	86.8	-106	22.4	108	-26.1	-9.48
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.01	0.00	0.00	0.14	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-88.5	90.3	-11.2	-116	47.8	-8.62
Tiền đầu kỳ	20.1	18.4	2.53	13.7	6.22	28.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.71**	**-15.8**	**11.2**	**-7.47**	**21.8**	**-18.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.00	0.00	-0.01	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	18.4	2.53	13.7	6.22	28.0	9.93

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**306**	**320**	**-4.5%**
Tài sản ngắn hạn	280	295	-5.2%
Tiền và tương đương tiền	9.93	28.0	-64.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	60.8	63.4	-4.2%
Hàng tồn kho	196	195	0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	12.7	8.62	47.8%
Tài sản dài hạn	**26.2**	**25.1**	**4.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	14.8	17.1	-13.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.60	0.58	3.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**10.9**	**7.37**	**47.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	113	128	-11.2%
Nợ ngắn hạn	**113**	**128**	**-11.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	51.8	60.4	-14.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	44.8	47.0	-4.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**192**	**192**	**0.0%**
Vốn chủ sở hữu	**192**	**192**	**0.0%**
Vốn điều lệ	152	152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)